TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vượng
Bà Trần Thị Cúc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hàng Bích Trâm – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 479/2019/ HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 580/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T , huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp H xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Chị Nguyễn Thị B trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau*:

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu chị B và anh T đến với nhau trên tinh thần tự nguyện, từ năm 2011cho đến nay, gia đình hai bên có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và không đăng ký theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau khi kết hôn anh T thường xuyên ăn nhậu không quan tâm đến gia đình, về nhà đánh đập vợ con. Hành vi của anh T đã được chính quyền địa phương lập biên bản sự việc vào ngày 17/4/2019 về hành vi dùng tay đánh đập chị và có lời lẽ chửi bới, từ đó vợ, chồng dẫn đến bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện tại đã không sống chung khoảng 09 tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị B yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

-Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung, cháu tên Nguyễn Hiếu K - sinh ngày 29/2/2012 và cháu Nguyễn Nhật K- sinh năm 26/7/2014 hiện các cháu đang sống chung với chị B. Khi ly hôn chị B yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

-Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Chị khai vợ, chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

Đối với anh Nguyễn Văn T: Đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị B. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[1]Về hôn nhân: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

Chị B và anh T xác lập mối quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 2011, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Lý do chị B xin ly hôn do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị B xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc gia đình. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận chị B và anh T là vợ chồng.

[2]Về con chung: 02 con chung, cháu tên Nguyễn Hiếu K - sinh ngày 29/2/2012 và cháu Nguyễn Nhật K- sinh năm 26/7/2014, hiện các cháu đang sống chung với chị B. Khi ly hôn chị B yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Do các cháu đang sống với chị B, tiếp tục giao cháu Hiếu K, cháu Nhật K cho chị B nuôi dưỡng, chị B không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh T.

[3]Về tài sản chung: Chị B xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4]Về nợ chung: Chị B khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 8, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không công nhận chị Nguyễn Thị B với anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu 02 cháu tên Nguyễn Hiếu K - sinh ngày 29/2/2012 và cháu Nguyễn Nhật K- sinh năm 26/7/2014 cho chị B nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom , chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị B xác định không có.

- Về nợ chung: Chị B khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị phải nộp 300.000 đồng. Ngày 29/5/2019 chị B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000195 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau*